

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học                      Ngành: Kế toán                      Mã số: 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

|  |                                   |
|--|-----------------------------------|
| 1.1 Mã học phần: 051031                | 1.2 Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ   |
| 1.3 Ký hiệu học phần:                  | 1.4 Tên tiếng Anh: MACROECONOMICS |
| 1.5 Số tín chỉ:                        | 03                                |
| 1.6 Phân bố thời gian:                 |                                   |
| - Lý thuyết:                           | 30 tiết                           |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm:           | 15 tiết                           |
| - Tự học:                              | 90 tiết                           |
| 1.7 Các giảng viên phụ trách học phần: |                                   |
| - Giảng viên phụ trách chính:          | ThS. Nguyễn Thị Sơn               |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phạm Vũ Hồng Ân              |
| 1.8 Điều kiện tham gia học phần:       |                                   |
| - Học phần tiên quyết:                 |                                   |
| - Học phần học trước:                  | Toán cao cấp C                    |
| - Học phần song hành:                  |                                   |

2. Mô tả học phần

Kiến thức môn Kinh tế Vĩ mô nhằm giúp sinh viên nắm được những vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản như: lạm phát, thất nghiệp, tổng cung, tổng cầu và giá cả hàng hóa dịch vụ. Phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế và sự ảnh hưởng của nó đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất cũng như xã hội. Kinh tế vĩ mô là môn cơ sở của các ngành thuộc khối kinh tế, cung cấp kiến thức căn bản làm nền tảng quan trọng giúp sinh viên tiếp cận các môn chuyên ngành sau này (Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế công, Lý thuyết tài chính – tiền tệ...).

3. Mục tiêu học phần (Goals)

| Mục tiêu<br>(Goals) | Mô tả (Goal description)<br>(Học phần này trang bị cho sinh viên:) | Chuẩn đầu ra<br>CTĐT (PLOs) |
|---------------------|--|-----------------------------|
|---------------------|--|-----------------------------|

|    |  |          |
|----|--|----------|
| G1 | Hiểu được các khái niệm cơ bản và các nguyên lý chung của Kinh tế Vĩ mô.   | PLO 2-4  |
| G2 | Nắm bắt nguyên lý vận hành của nền kinh tế ở mức độ vĩ mô  | PLO2-4   |
| G3 | Phân tích nhiều vấn đề kinh tế vĩ mô và chính sách can thiệp của chính phủ được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng. | PLO 2-4  |
| G4 | Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.  | PLO 9-12 |

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

| <b>CĐR của học phần (CLOs)</b> | <b>Mô tả CLOs<br/>(Sau khi học xong môn học này, người học có thể:)</b>  |
|--------------------------------|--|
| <b>CLO 1</b>                   | Biết cách phân tích và giải thích diễn biến nền kinh tế vĩ mô, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp của chính phủ đối với nền kinh tế vĩ mô. |
| <b>CLO2</b>                    | Áp dụng kiến thức nền tảng của kinh tế học vĩ mô cho các học phần chuyên ngành sau này   |
| <b>CLO3</b>                    | Yêu thích môn học bởi lẽ kinh tế vĩ mô là môn học cơ sở trong hệ thống khối kinh tế  |
| <b>CLO 4</b>                   | Rèn luyện khả năng tự học, phân tích, làm việc nhóm  |
| <b>CLO 5</b>                   | Tự tin, chủ động, năng động, sáng tạo trong giờ học và trong các hoạt động thực tiễn.  |
| <b>CLO 6</b>                   | Có ý thức học tập nghiêm túc, khoa học bởi đây là vấn đề không dễ dàng tiếp cận  |

#### 5. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

- L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO
- M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

##### Chú thích:

- Các mức H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức M) hay mức thuần thực (H).

Bảng 5.1. Mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra của HP (CLOs) và CĐR của chương trình (PLOs)

|  | <b>Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)</b> |
|--|---|
|--|---|

| <b>Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)</b> | <b>1</b> | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6</b> | <b>7</b> | <b>8</b> | <b>9</b> | <b>10</b> | <b>11</b> | <b>12</b> |
|-------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|
| CLO 1                               |          | L        | L        | L        |          |          |          |          | L        | L         | L         | L         |
| CLO 2                               |          | L        | L        | L        |          |          |          |          | M        | M         | H         | M         |
| CLO 3                               |          | M        | M        | M        |          |          |          |          | M        | M         | M         | M         |
| CLO 4                               |          | H        | M        | M        |          |          |          |          | M        | M         | M         | H         |
| CLO 5                               |          | H        | M        | M        |          |          |          |          | H        | H         | M         | H         |
| CLO 6                               |          | H        | H        | H        |          |          |          |          | H        | H         | H         | H         |
| <b>Tổng</b>                         |          | <b>H</b> | <b>M</b> | <b>M</b> |          |          |          |          | <b>M</b> | <b>M</b>  | <b>M</b>  | <b>H</b>  |

## 6. Đánh giá học phần

### 6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở học phần

Bảng 6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

| <b>H/phần đánh giá</b> | <b>Trọng số</b> | <b>Bài đánh giá</b>                         | <b>Trọng số con</b> | <b>Rubric</b> | <b>Lquan đến CLO nào ở Bảng 5.1</b> | <b>HD PP đánh giá</b>                          |
|------------------------|-----------------|---|---------------------|---------------|-------------------------------------|--|
| (1)                    | (2)             | (3)   | (4)                 | (5)           | (6)                                 | (7)  |
| A1. Kỹ năng            | 20%             | A1.1 Tuần 8, 9: Đánh giá chuyên cần         | 50%                 | R4            | CLO6                                | - GV giao đề tài cho từng nhóm ngay từ đầu HP. |
|                        |                 | A1.2 Tuần 8, 9: Đánh giá làm việc nhóm      | 50%                 | R7            | CLO1,2,3,4,5,6                      |  |
| A2. Đánh giá giữa kỳ   | 30%             | Tuần 7: đánh giá bài thuyết trình           |                     |               | CLO1,2,3,4,5,6                      |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ   | 50%             | Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo ĐGV. |                     |               | CLO 1,2,3,4                         |  |

- (7) PP đánh giá đạt CDR: Nêu tên các PP đánh giá sử dụng trong từng chương để đạt CDR. Tham khảo các phương pháp đánh giá trong CTĐT ngành KẾ TOÁN.

### 6.2 Chính sách đối với học phần

Sinh viên tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của học phần. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc học phần.

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Bảng 7.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP theo tuần

| <b>Tuần/ (5 tiết/tuần)</b> | <b>Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)</b> | <b>Số tiết (LT/TH /TT)</b> | <b>CDR của bài học (chương)/ chủ đề</b> | <b>Lquan đến CLO nào ở Bảng 4.1</b> | <b>PP giảng dạy đạt CDR</b> | <b>Hoạt động học của SV(*)</b> | <b>Tên bài đánh giá (ở cột 3 Bảng 6.1</b> |
|----------------------------|--|----------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---|
|----------------------------|--|----------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|---|

| (1) | (2)  | (3)    | (4)   | (5)            | (6)                    | (7)                              | (8)   |
|-----|--|--------|---|----------------|------------------------|----------------------------------|-------|
|     | <b>Chương 1: Khái quát về kinh tế vĩ mô</b>  |        |   |                |                        |                                  |       |
| 1   | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp   | 6/0/0  |   | CLO1<br>2      |                        |                                  | A1.2  |
|     | 1.1. Đối tượng của kinh tế vĩ mô<br>1.2. Mục tiêu của kinh tế vĩ mô<br>1.3. Các công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô<br>1.4. Tổng cung – Tổng cầu                       |        | - Trình bày khái niệm Kinh tế học vĩ mô là gì ? tổng cung – tổng cầu là gì ? lịch sử hình thành và phát triển kinh tế vĩ mô ; các vấn đề căn bản, mục tiêu của nền kinh tế vĩ mô, | -              | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Thảo luận nhóm                 | -     |
|     | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà  | 10/0/0 |   | CLO2,<br>3,4   |                        |                                  |       |
|     | Đọc thêm tài liệu  |        | - Có cái nhìn tổng quan về nền kinh tế vĩ mô  | -              | - Tự học<br>- Học nhóm | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | -     |
|     | <b>Chương 2: Cách tính sản lượng quốc gia</b>  |        |   |                |                        |                                  |       |
| 2   | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp   | 6/0/0  |   | CLO12<br>3,4   |                        |                                  | A1.1. |
|     | 2.1. Tổng sản phẩm quốc nội GDP<br>2.2. Tổng sản phẩm quốc dân GNP<br>2.3. Các chỉ tiêu khác<br>2.4. Một số hạn chế của GDP và GNP<br>2.5. Vòng chu chuyển kinh tế |        | - Trình bày khái niệm tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng thu nhập quốc dân (GNP), phương pháp tính GNP, GDP, vòng chu chuyển kinh tế.   | -              | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Thảo luận nhóm                 | -     |
|     | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà  | 10/0/0 |   | CLO2,<br>3,4   |                        |                                  |       |
|     | 2.4. Một số hạn chế của GDP và GNP   |        | - Phân tích, trình bày được một số hạn chế của GNP và GDP .   | -              | -                      | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà | -     |
|     | <b>Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương</b>  |        |   |                |                        |                                  |       |
| 3   | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp   | 6/0/0  |   | CLO<br>1,2,3,4 |                        |                                  |       |

|   |   |        |  |             |                        |                                   |      |
|---|---|--------|--|-------------|------------------------|-----------------------------------|------|
|   | 3.1. Giới thiệu các thành phần tổng cầu<br>3.2. xác định sản lượng cân bằng.<br>3.3. Chính sách tài khóa    |        | - Trình bày các yếu tố cấu thành nên tổng cầu (C, I, G, NX). Vận dụng cơ sở lý thuyết để tính hệ số nhân và sản lượng cân bằng. Tìm hiểu cơ sở lý thuyết chính sách tài khóa, chính sách ngoại thương. | -           | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Làm bài tập<br>- Thảo luận nhóm | -    |
|   | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà   | 10/0/0 |  | CLO2, 3,4   |                        |                                   |      |
|   | 3.4. Chính sách ngoại thương  |        | - Trình bày, phân tích cơ sở khoa học chính sách ngoại thương.   | -           | -                      | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà  | -    |
|   | Chương 4: Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ  |        |  |             |                        |                                   |      |
| 4 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp  | 6/0/0  |  | CLO 1,2,3,4 |                        |                                   |      |
|   | 4.1. Khái quát về tiền tệ, ngân hàng<br>4.2. Cung tiền<br>4.3. Cầu tiền<br>4.4. Cân bằng thị trường tiền tệ |        | - Trình bày khái niệm tiền là gì ? chức năng của tiền, chức năng của ngân hàng, khái niệm cung tiền, cầu tiền, cơ sở lý thuyết chính sách tiền tệ.   | -           | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Làm bài tập<br>- Thảo luận nhóm | -    |
|   | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà   | 0/10/0 |  | CLO2, 3,4   |                        |                                   |      |
|   | Làm bài tập vận dụng  |        | -  | -           | -                      | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà  | -    |
|   | Chương 5: Tổng cung – Tổng cầu  |        |  |             |                        |                                   | A2.1 |
| 5 | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp  | 7/0/0  |  | CLO1, 2,3,4 |                        |                                   |      |
|   | 30 Mô hình IS - LM<br>31 Tổng cầu<br>32 Tổng cung<br>33 Cân bằng nền kinh tế vĩ mô                          | 3      | - Tìm hiểu Cơ sở lý thuyết mô hình IS – LM; khái niệm tổng cung – tổng cầu, tác động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đối với mô hình IS - LM   | -           | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Làm bài tập<br>- Thảo luận nhóm | -    |
|   | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà   | 0/10/0 |  | CLO2, 3,4   |                        |                                   |      |
|   | Cân bằng nền kinh tế vĩ mô  |        | - Cơ chế cân bằng nền kinh tế vĩ mô  | -           | -                      | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà  |      |

|               |   |        |   |             |                        |                                   |                  |
|---------------|---|--------|---|-------------|------------------------|-----------------------------------|------------------|
|               | Chương 6: Lạm phát – Thất Nghiệp  |        |   |             |                        |                                   | A1.1, A1.2, A2.2 |
| 6             | A. Các nội dung chính giảng dạy trên lớp  | 7/0/0  |   | CLO 1,2,3,4 |                        |                                   |                  |
|               | 6.1 Lạm phát<br>6.2 Thất nghiệp<br>6.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp |        | - Trình bày cơ sở lý thuyết lạm phát và thất nghiệp, mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp; đường cong Philip ngắn hạn và dài hạn. | -           | - PPDH 1, 2, 4, 16, 17 | - Làm bài tập<br>- Thảo luận nhóm | -                |
|               | B. Các nội dung chính SV tự học ở nhà   | 0/10/0 |   | CLO2, 3,4   |                        |                                   |                  |
|               | 6.3 Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp                                    |        | - Phân tích mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp  | -           | -                      | - Chuẩn bị tốt phần tự học ở nhà  | -                |
| Theo lịch thi | FINAL EXAM  |        |   | CLO2, 3,4   |                        |                                   | A3               |

## 8. Học liệu

Bảng 8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| TT | Tên tác giả                         | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB |
|----|-------------------------------------|--------|--|----------------------------------|
|    | <b>Giáo trình chính</b>             |        |  |                                  |
| 1  | TS. Nguyễn Như Ý                    | 2017   | Kinh tế vĩ mô                              | NXB Kinh tế T.P Hồ Chí Minh      |
|    | <b>Sách và giáo trình tham khảo</b> |        |  |                                  |
| 2  | TS. Dương Tấn Diệp                  | 2007   | Kinh tế vĩ mô                              | NXB Thống kê                     |
| 3  | N. Gregory Mankiw                   | 2014   | N. Gregory Mankiw                          | NXB Kinh tế T.P Hồ Chí Minh      |

Bảng 8.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho học phần

| TT | Nội dung tham khảo | Link trang web  | Ngày cập nhật |
|----|--------------------|---|---------------|
| 1  | Kinh tế vĩ mô      | <a href="https://www.slideshare.net/dunghg95/290-cu-trc-nghim-kinh-t-v-m-c-li-gii">https://www.slideshare.net/dunghg95/290-cu-trc-nghim-kinh-t-v-m-c-li-gii</a> | 2019          |

## 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của học phần

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB |
|----|---------------------------------------|---|--|----------------------------------|
| 1  | Giảng đường                           |   |  |                                  |
| 2  | Phòng mô phỏng                        |   |  |                                  |

Bình Dương, ngày 31 tháng 7 năm 2018

**P. Trưởng khoa**



**Vũ Đức Bình**